

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Kon Braih)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý I tháng so (%)	
			Quý I	Lũy kế đến Quý I	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	24.625	4.915	4.915	20	37
I	Thu nội địa	24.625	4.915	4.915	20	37
II	Thu từ dầu thô				-	-
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				-	-
IV	Thu viện trợ				-	-
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	163.531	80.116	80.116	49	1.109
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	22.653	4.280	4.280	19	977
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	5.905	962	962	16	220
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)	-			-	-
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	16.748	3.318	3.318	20	-
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	140.878	54.785	54.785	39	879
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	130.663	39.000	39.000	30	743
2	Thu bổ sung có mục tiêu	10.215	15.785	15.785	155	1.597
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				-	-
IV	Thu kết dư				-	-
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		21.051	21.051	-	3.950
C	TỔNG CHI NSDP	163.531	38.216	38.216	23	-
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	153.316	38.216	38.216	25	641
1	Chi đầu tư phát triển	4.275	1.050	1.050	25	-
2	Chi thường xuyên	145.975	37.166	37.166	25	624
3	Chi cho vay			-	-	-
4	Chi viện trợ			-	-	-
5	Chi trả nợ lãi			-	-	-
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			-	-	-
7	Dự phòng NSNN	3.066	-	-	-	-
8	Các nhiệm vụ chi khác			-	-	-
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp trên	10.215		-	-	-
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				-	-

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Kon Braih)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý I so (%)	
			Quý I	Lũy kế đến quý I	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	24.625	4.915	4.915	20	37
I	Thu nội địa	24.625	4.915	4.915	20	37
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	1.200	442	442	37	88
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN				-	-
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	15.830	2.469	2.469	16	26
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.100	411	411	37	81
5	Thuế bảo vệ môi trường				-	-
6	Các loại phí, lệ phí	3.250	774	774	24	89
	<i>Trở: Lệ phí trước bạ</i>	<i>2.500</i>	<i>538</i>	<i>538</i>	<i>22</i>	<i>87</i>
7	Các khoản thu về nhà, đất	1.905	553	553	29	32
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>	<i>300</i>			<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>55</i>	<i>15</i>	<i>15</i>	<i>27</i>	<i>119</i>
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	<i>50</i>	<i>13</i>	<i>13</i>	<i>26</i>	<i>253</i>
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>1.500</i>	<i>525</i>	<i>525</i>	<i>35</i>	<i>34</i>
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN</i>				<i>-</i>	<i>-</i>
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển				-	-
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công				-	-
10	Thu từ hoạt động xổ số				-	-
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển	1.040	237	237	23	331
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước				-	-
-	<i>Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế</i>				<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>				<i>-</i>	<i>-</i>
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác				-	-
14	Thu khác ngân sách	300	29	29	10	91
II	Thu từ đầu thô				-	-
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				-	-
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu				-	-
2	Thuế xuất khẩu				-	-
3	Thuế nhập khẩu				-	-
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu				-	-
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu				-	-
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu				-	-
7	Thuế khác				-	-
IV	Thu viện trợ				-	-
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác				-	-
1	Thuế GTGT				-	-
2	Thuế TTĐB				-	-

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý I so (%)	
			Quý I	Lũy kế đến quý I	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
3	Hoàn các khoản thu khác				-	-
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	22.653	4.280	4.280	19	977
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	16.748	3.318	3.318	20	-
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)				-	-
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	5.905	962	962	16	220

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Kon Braih)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý I so (%)	
			Quý I	Lũy kế đến quý I	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	163.531	38.216	38.216	23	641
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	153.316	38.216	38.216	25	641
I	Chi đầu tư phát triển	4.275	1.050	1.050	25	-
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	4.275	1.050	1.050	25	-
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			-	-	-
II	Chi trả nợ lãi			-	-	-
III	Chi thường xuyên	145.975	37.166	37.166	25	624
	<i>Trong đó:</i>			-	-	-
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	107.351	24.032	24.032	22	149.212
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-		-	-	-
IV	Chi cho vay			-	-	-
V	Chi viện trợ			-	-	-
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			-	-	-
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	3.066		-	-	-
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính giảm biên chế			-	-	-
IX	Các nhiệm vụ chi khác			-	-	-
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NS CẤP TRÊN CHO NSDP	10.215		-	-	-
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án			-	-	-
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	10.215		-	-	-
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				-	-

UBND XÃ KON BRAIH

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG VÀ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Kon Braih)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách địa phương			Dự phòng ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương			Quỹ dự trữ tài chính		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số NSTW bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại	Số dư đầu năm	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6=4-5	7	8	9=7-8
	Tổng số	3.066	158,8	2.907	-	-	-	-	-	-
1	Chi đầu tư phát triển									
2	Chi thường xuyên		158,8							

KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN,
DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Kon Braih)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng số	1.035	535	500
1	Giảm bội chi, tăng chi trả nợ	-		
2	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách và quỹ dự trữ tài chính	-		
3	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương	375	375	
4	Chi đầu tư một số dự án quan trọng	500		500
5	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội	161	161	
6	Thường vượt dự toán thu hoặc hỗ trợ ngân sách cấp dưới hụt thu			